

Số: 86 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 6 của HĐND Thành phố Khóa XV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.

1. Cơ sở pháp lý.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau: *“Căn cứ quy định của Luật này, phân cấp của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương”*.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định trách nhiệm thi thành của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau: *“Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này trước ngày 31 tháng 7 năm 2018 để tổ chức thực hiện”*.

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 17, Điều 20, Điều 22, Điều 28, Điều 32, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 92 của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 18 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Thực trạng phân cấp của Thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công trong giai đoạn vừa qua.

Sau khi Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản

Ab

công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được ban hành và triển khai thực hiện. Quyền hạn và trách nhiệm của các Sở, ban ngành, Đoàn thể và UBND các quận, huyện, thị xã và đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã bước đầu được thể chế hóa bằng văn bản pháp quy của Thành phố, tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các đơn vị. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công, giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.

Sau hơn 8 năm triển khai và thực hiện phân cấp, công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã đạt được nhiều kết quả, song bên cạnh đó cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Căn cứ báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội của 24 cơ quan, đơn vị (Gồm: 07 Sở, 11 quận, huyện và 06 đơn vị), việc thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trong thời gian qua có một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, Hệ thống Pháp luật liên quan đã ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung, cụ thể như: Luật Đầu thầu ngày 26/11/2013; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 thay thế Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008 và các Nghị định khác liên quan, do đó cần thiết phải điều chỉnh và xây dựng Nghị quyết mới nhằm phân cấp cho các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan cho phù hợp.

Một số nội dung mới về công tác quản lý tài sản công cần được bổ sung vào Nghị quyết phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công để điều chỉnh các hành vi này trong thực tiễn, như: bổ sung một số hình thức xử lý tài sản công, thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, quy định về thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản công là kết cấu hạ tầng.

Ngoài các tài sản được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và đã được HĐND Thành phố phân cấp tại Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã bổ sung thêm 06 nhóm tài sản mới, gồm: (i) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình kết cấu hạ tầng xã hội và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với công trình kết cấu hạ tầng, bao gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin, hạ tầng giáo dục và đào tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và hạ

tàng khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng); (ii) Tài sản công tại doanh nghiệp; (iii) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; (iv) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật bao gồm: tài sản bị tịch thu; tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế và tài sản khác thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật Dân sự; tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án; (v) Tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và dự trữ ngoại hối nhà nước; (vi) Đất đai; tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, kho số viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh và các tài nguyên khác do Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật và văn bản quy định chi tiết, cần bổ sung một số nhóm tài sản công vào Nghị quyết để tổ chức thực hiện.

Thứ hai, Phạm vi, mức độ phân cấp quy định tại Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 đến nay có một số điểm không còn phù hợp với quy định hiện hành, như: thẩm quyền quyết định mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản công còn chưa phù hợp quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn chưa phù hợp thực tiễn;...

Để triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đánh giá thực tiễn tình hình thực hiện về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian qua, cần thiết phải ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội để thực hiện đúng các văn bản quy định của Trung ương, đồng thời khắc phục những tồn tại hạn chế trong hệ thống các văn bản quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT.

1. Mục đích: Ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng:

a) Tuân thủ theo quy định của pháp luật: Thực hiện đúng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công được quy định tại các Luật chuyên ngành và các văn bản quy định chi tiết, như: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số

129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/03/2017 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;...

b) Kế thừa những quy định còn phù hợp tại Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND Thành phố quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

c) Cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đầy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra (hậu kiểm) việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT.

1. Bố cục.

Dự thảo Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố gồm 04 Chương, với 16 Điều, cụ thể:

Chương I: Quy định chung, gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

Chương II: Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm 08 điều (từ Điều 4 đến Điều 11).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công.

Điều 10. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương III: Quản lý, sử dụng tài sản công trong một số lĩnh vực khác, gồm 03 điều (từ Điều 12 đến Điều 14).

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Chương IV: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm 02 điều (từ Điều 15 đến Điều 16).

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản công.

2. Nội dung cơ bản.

2.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1).

Tại Điều 4 "Phân loại tài sản công" Luật quy định tài sản công bao gồm 07 nhóm, tăng so với Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước 06 nhóm, gồm: (i) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; (ii) Tài sản công tại doanh nghiệp; (iii) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; (iv) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; (v) Tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và dự trữ ngoại hối nhà nước; (vi) Đất đai; tài nguyên các loại (gồm tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân tạo). Vì vậy, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết cần quy định đầy đủ các loại tài sản công tại Điều 4 của Luật.

Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: Mua sắm, thuê, giao, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại. Ngoài các nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Nghị quyết, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công không quy định tại Nghị quyết được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

2.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2).

Tại Điều 2 "Đối tượng áp dụng" Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định đối tượng áp dụng của Luật gồm 04 nhóm, bổ sung 01 nhóm so với Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, đối tượng áp dụng của Nghị quyết cần quy định đầy đủ đối tượng tại Điều 2 của Luật.

2.3. Nguyên tắc phân cấp (Điều 3).

Về cơ bản, nguyên tắc phân cấp quy định tại Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND vẫn phù hợp yêu cầu phân cấp

quản lý, sử dụng tài sản công hiện nay. Bên cạnh đó, bổ sung thêm nguyên tắc về hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài sản công để tăng cường phân cấp cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra (hậu kiểm) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và Thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công. Nguyên tắc phân cấp gồm:

- Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, được giao. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của Thành phố.

- Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra (hậu kiểm) việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và Thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công.

2.4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (Điều 4).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 và Điểm b Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, trường hợp mua sắm tài sản công phải lập thành dự án đầu tư, thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm đối với các tài sản công không quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Để đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp các quy định phân cấp của Thành phố (phân cấp quản lý kinh tế xã hội, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách Thành phố,...), UBND Thành phố đề xuất phân cấp mua sắm tài sản công như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mua sắm tài sản công là: nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất); Xe ô tô.

Riêng xe ô tô chuyên dùng mà nguồn kinh phí trang bị xe chưa được phân bổ chi tiết, Chủ tịch UBND Thành phố quyết định mua sắm sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố.

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản công từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định về thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, các nguồn thu khác để mua sắm tài sản công theo qui định hiện hành và phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

- Việc mua sắm đối với các tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

- Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện như đối với việc mua sắm tài sản công khác.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 1 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 3) thì thẩm quyền mua sắm cơ bản được giữ nguyên. Tuy nhiên, Nghị quyết lần này bổ sung thêm 02 nội dung: (i) Việc mua sắm đối với các tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung; (ii) Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

2.5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công (Điều 5).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền thuê tài sản công quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 và Điểm b Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thuê tài sản công để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Giám đốc các Sở, ban, ngành quyết định việc thuê tài sản công (trừ tài sản công là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định.

- Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc quận, huyện, thị xã quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành theo thẩm quyền.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 2 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 4) thì tăng quyền phân cấp cho:

+ Giám đốc các Sở, ban, ngành quyết định việc thuê tài sản công (trừ trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp).

+ Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành theo thẩm quyền.

2.6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (Điều 6).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thu hồi tài sản công như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thu hồi đối với tài sản công khác (trừ các tài sản công thuộc thẩm quyền thu hồi của Chủ tịch UBND Thành phố) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi các tài sản công thuộc thẩm quyền thu hồi của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã nếu Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã không quyết định thu hồi theo thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 4 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 6) thì phân cấp thu hồi tài

sản không có sự thay đổi. Tuy nhiên, trong dự thảo lần này bổ sung quy định về thẩm quyền thu hồi của Chủ tịch UBND Thành phố khi Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã không thực hiện thu hồi các tài sản đã được phân cấp trong thời hạn quy định.

2.7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (Điều 7).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền điều chuyển tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều 20 và Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp điều chuyển tài sản công như sau:

- Chủ tịch UBND Thành phố quyết định điều chuyển nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, xe ô tô) trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, xe ô tô) giữa các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, thị xã (bao gồm cả xã, phường, thị trấn).

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 5 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 7) thì thẩm quyền phân cấp điều chuyển tài sản không có sự thay đổi. Tuy nhiên, bỏ phần quy định về điều chuyển tài sản từ địa phương cho các cơ quan Trung ương vì theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP thì nội dung này thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

2.8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (Điều 8).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền bán tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều 22 và Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Đối với bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Điểm b Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về sắp xếp, xử lý tài sản công quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định bán theo hình thức chỉ định; Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền bán theo hình thức đấu giá.

Tại Điểm a Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: "*Thủ tướng Chính phủ quyết định bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên*".

Đối với các tài sản công khác (trừ các tài sản là nhà, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất): Việc bán tài sản thực hiện theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: "*Bán tài sản công theo hình thức chỉ định được áp dụng đối với tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và giá trị đánh giá lại dưới 10 triệu đồng/01*

đơn vị tài sản. Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này xem xét, quyết định áp dụng hình thức niêm yết giá".

Căn cứ các quy định trên, UBND Thành phố đề xuất phân cấp bán tài sản công theo 2 phương án sau:

*** Phương án 1:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (Không bao gồm nhà biệt thự thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/07/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Đề án quản lý nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội), xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Đối với nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố có nguyên giá theo sổ kế toán từ **100 tỷ đồng trở lên** (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/**1 đơn vị tài sản**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Việc xác định mức **100 tỷ đồng** căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND. Chủ tịch UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

*** Phương án 2:**

- Phương án này tương tự phương án 1, song nâng giá trị của tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khi bán đấu giá có nguyên giá theo sổ kế toán từ **200 tỷ đồng trở lên** (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/**1 đơn vị tài sản**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Chủ tịch UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Lý do: Đơn giá đất trung bình tại thời điểm hiện nay (theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố) so với đơn giá đất trung bình tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND (theo Quyết định số 62/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND Thành phố) tăng khoảng 1,9 lần, vì vậy UBND Thành phố đề nghị nâng mức giá bán đấu giá tài sản cần xin

ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực HĐND Thành phố lên tương ứng mức thay đổi đơn giá đất và được làm tròn là 2 lần.

UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố xem xét thông qua phương án 2.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 7 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 9) thì thẩm quyền phân cấp bán tài sản có những thay đổi sau:

- + Chỉ phân cấp việc bán đấu giá tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp (không quy định việc bán chỉ định vì thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ).

- + Phân cấp toàn bộ thẩm quyền bán đấu giá tài sản công là trụ sở, công trình sự nghiệp cho Chủ tịch UBND Thành phố (Theo Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND thì HĐND Thành phố quyết định bán các tài sản có nguyên giá từ 100 tỷ đồng trở lên)/1 đơn vị tài sản). Chủ tịch UBND Thành phố quyết định bán đấu giá tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

- + Phân cấp cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể quyết định bán các tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở, công trình sự nghiệp) thuộc phạm vi quản lý (Theo Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND thì Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán các tài sản này).

- + Bổ sung việc phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công là trụ sở, công trình sự nghiệp).

2.9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (Điều 9).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền thanh lý tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều 28 và Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thanh lý tài sản công như sau:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công, gồm: (i) Trụ sở làm việc hoặc các tài sản công khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý (ii) Xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Thành phố; thuộc quận, huyện, thị xã.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể quyết định thanh lý tài sản công (trừ các tài sản là trụ sở làm việc, tài sản công khác gắn liền với đất, xe ô tô) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý tài sản công: (i) Trụ sở làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định

của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quận, huyện, thị xã quản lý (ii) Tài sản công khác (trừ các tài sản là xe ô tô) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (trừ Trụ sở làm việc hoặc các tài sản công khác gắn liền với đất, xe ô tô) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 6 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 8) thì thẩm quyền phân cấp thanh lý tài sản có những thay đổi sau:

+ Phân cấp cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản. Theo Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND thì Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý các tài sản này.

+ Bổ sung việc phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (trừ các tài sản là trụ sở làm việc, tài sản công khác gắn liền với đất, xe ô tô) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

2.10. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công (Điều 10).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền tiêu hủy tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều 32 và Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp tiêu hủy tài sản công như sau:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định tiêu hủy tài sản (xóa bỏ sự tồn tại của tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng. Việc tiêu hủy tài sản công phải đảm bảo quy định của pháp luật về an toàn phòng chống cháy nổ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

So với quy định tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND (Khoản 8 Mục B Điều 1) và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND (Điều 10) thì thẩm quyền phân cấp tiêu hủy tài sản công không thay đổi. Tuy nhiên, Nghị quyết lần này được bổ sung thêm việc tiêu hủy đối với các tài sản là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy.

2.11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (Điều 11).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại quy định tại Khoản 2 Điều 34 và Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại như sau:

- Chủ tịch UBND Thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND quận huyện, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Việc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy là hình thức xử lý tài sản mới được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết. Tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND chưa có nội dung này.

2.12. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi (Điều 12).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền điều chuyển, bán, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại; cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao quy định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 và Khoản 2 Điều 30,... Nghị định số 129/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi theo 2 phương án như sau:

*** Phương án 1:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định: (i) Bán đấu giá hoặc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính. Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ **100 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán hoặc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; (ii) Phê duyệt đề án cho thuê, đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác; quyết định điều chuyển, thanh lý; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc Thành phố quản lý, hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thuộc quyền quản lý của từ 02 quận, huyện, thị xã trở lên, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài

chính. Chủ tịch UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thị xã phê duyệt đề án cho thuê, đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác; quyết định điều chuyển, thanh lý; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc quận, huyện, thị xã, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

*** Phương án 2:**

- Phương án này tương tự phương án 1, song nâng giá trị của tài sản công thực hiện bán đấu giá hoặc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao lên mức **200 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Chủ tịch UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Lý do: Đơn giá đất trung bình tại thời điểm hiện nay (theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014) so với đơn giá đất trung bình tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND (theo Quyết định số 62/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008) tăng khoảng 1,9 lần, vì vậy UBND Thành phố đề nghị nâng mức giá bán đấu giá tài sản cần xin ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực HĐND Thành phố lên tương ứng mức thay đổi đơn giá đất và được làm tròn là 2 lần.

UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố xem xét thông qua phương án 2.

Tài sản công thuộc lĩnh vực hạ tầng giao thông (đường bộ, hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa, đường sắt quốc gia), thủy lợi mới được bổ sung tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết. Tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND chưa có quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng loại tài sản này.

2.13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Điều 13).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 7; Điểm c Khoản 1, Điểm c Khoản 2 và Điểm c Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân như sau:

a) Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với: (i) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có

giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; (ii) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại các Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP); (iii) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; (iv) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định giải thể theo ủy quyền; (v) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế (trừ di sản không có người thừa kế là bất động sản; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

b) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: (i)

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tịch thu, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

+ Thủ trưởng các Sở, ban ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính về phương án xử lý tài sản.

- Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ các tài sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), bao gồm: Bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

+ Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản), trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế; hàng hóa tồn đọng không thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ và các tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

+ Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác (trừ bất động sản vô chủ và các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND đã đề cập đến tài sản công được hình thành do Nhà nước sử dụng quyền lực Nhà nước để thực hiện xác lập sở hữu Nhà nước về tài sản. Song nội dung Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND chưa quy định về phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản này. Vì vậy, Nghị quyết lần này bổ sung quy định về phân cấp thẩm quyền xử lý đối với tài sản xác lập sở hữu toàn dân.

2.14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (Điều 14).

Yêu cầu phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố quy định tại Khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. UBND Thành phố đề xuất phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý như thẩm quyền xử lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 của dự thảo Quy định phân cấp ban hành kèm theo Nghị quyết.

2.15. Một số nội dung khác.

Tại Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND có quy định về một số nội dung, như:

- Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (Khoản 9 Mục B Điều 1 Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Điều 11 Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND): Tuy nhiên nội dung này không có trong Nghị quyết lần này vì theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử

dụng tài sản công thì Chính phủ phân cấp thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Phân cấp về thẩm quyền bảo dưỡng, sửa chữa tài sản Nhà nước (Khoản 3 Mục B Điều 1 Nghị Quyết số 14/2009/NQ-HĐND và Điều 5 Quyết định số 126/2009/QĐ-UBND): Tuy nhiên nội dung này không có trong Nghị quyết lần này vì theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết không quy định trách nhiệm phân cấp của HĐND cấp tỉnh.

- Ngoài ra, có một số nội dung mới của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công, như: khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và các tài sản công khác) cũng không có trong Nghị quyết lần này vì theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, Chính phủ phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

2.16. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp (Điều 15) và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản công (Điều 16).

Điều 15 và Điều 16 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HN;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP; PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT.

} Để
báo
cáo

10808 (207)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 6

(Từ ngày / /2018 đến ngày / /2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày....tháng..... năm 2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Pháp chế; Báo cáo giải trình, tiếp thu số...../BC-UBND ngày.....tháng.....năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này "Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội".

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các

quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

Ủy ban nhân dân Thành phố tập hợp các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xử lý và báo cáo với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngàytháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng 7 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa XIII về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Trang web của HĐND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../2018/NQ-HĐND

ngày..... tháng..... năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, gồm: Mua sắm, thuê, giao, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố bao gồm các loại tài sản theo quy định Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được giao cho các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, các doanh nghiệp (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của Thành phố quản lý, sử dụng.

3. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các cơ quan hành chính Nhà nước, bao gồm: Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cơ quan).

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp.

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, được giao. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của Thành phố.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đầy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và Thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công.

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Mua sắm tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mua sắm để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù

hợp tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ, hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Mua sắm tài sản công khác (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều này):

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản công từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định về thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, các nguồn thu khác để mua sắm tài sản công theo qui định hiện hành và phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

c) Việc mua sắm đối với các tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

d) Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện như đối với việc mua sắm tài sản công khác quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc các Sở, Ban, ngành quyết định việc thuê tài sản công (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc quận, huyện, thị xã quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc và công

trình sự nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành theo thẩm quyền.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác của các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thu hồi đối với tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi các tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều này nếu Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã không quyết định thu hồi theo thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) giữa các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bao gồm cả xã, phường, thị trấn).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (Không bao gồm nhà biệt thự thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/07/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Đề án quản lý nhà biệt thự

trên địa bàn thành phố Hà Nội), xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Đối với nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố có văn bản thống nhất về chủ trương đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công:

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo qui hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý.

b) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, hoặc thuộc quận, huyện, thị xã.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể quyết định thanh lý tài sản công (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý tài sản công:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo qui hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã quản lý.

b) Tài sản công khác (trừ xe ô tô) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 3 Điều này) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 10. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công.

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định tiêu hủy tài sản (xóa bỏ sự tồn tại của tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng. Việc tiêu hủy tài sản công phải đảm bảo quy định của pháp luật về an toàn phòng chống cháy nổ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận huyện, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Bán đấu giá hoặc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố có văn bản thông

nhất về chủ trương đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá hoặc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

b) Phê duyệt đề án cho thuê, đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác; quyết định điều chuyển, thanh lý; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc Thành phố quản lý, hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thuộc quyền quản lý của từ 02 quận, huyện, thị xã trở lên, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thị xã phê duyệt đề án cho thuê, đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác; quyết định điều chuyển, thanh lý; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc quận, huyện, thị xã, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại các Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

- Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

- Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định giải thể theo ủy quyền.

- Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản

không người thừa kế (trừ di sản không có người thừa kế là bất động sản; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tịch thu, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, Ban ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính về phương án xử lý tài sản.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ các tài sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), bao gồm: Bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản), trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế; hàng hóa tồn đọng không thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ và các tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ

vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác (trừ bất động sản vô chủ và các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như đối với việc xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 của Quy định này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ trên về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời Ủy ban nhân dân quận huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn Thành phố.

b) Hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc đăng ký, kê khai tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; thực hiện chế độ báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố phương án quản lý, sử dụng tài sản trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo phân cấp.

e) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

3. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành, Đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp và theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công, chịu trách nhiệm trước Thành phố về quyết định của mình.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc về quản lý sử dụng, lập và quản lý hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định hiện hành.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài chính, các khoản thu, chi có liên quan khi thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo phân cấp và các quy định hiện hành.

e) Hàng năm báo cáo, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đến thời điểm 31 tháng 12, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 01 của năm sau để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài chính.

f) Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã khi ban hành quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp có trách nhiệm phối hợp và gửi quyết định về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài chính.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản công

a) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý; sử dụng tài sản công, lập hồ sơ, thực hiện các trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng trụ sở, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, góp vốn liên doanh, liên

kết, thanh lý tài sản công của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp mình quản lý, theo quy định của pháp luật và thẩm quyền tại Quy định này.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, lập hồ sơ, thực hiện các trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản theo phân cấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị mình.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Đề xuất kiến nghị, lập phương án quản lý, sử dụng tài sản công báo cáo cấp có thẩm quyền theo phân cấp.

e) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền, đảm bảo sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ và hiệu quả, tiết kiệm.

f) Hàng năm đến thời điểm 31 tháng 12, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

g) Lập, quản lý hồ sơ, hạch toán, ghi chép tài sản, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, thực hiện kê khai, đăng ký tài sản công được giao theo đúng quy định./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc